

ĐO LƯỜNG TÁC ĐỘNG CỦA PHÁT TRIỂN DU LỊCH QUỐC TẾ ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRƯỜNG HỢP CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á (ASEAN)

HUỲNH TRƯỜNG HUY*, NGUYỄN PHÚ SON**, NGÔ MỸ TRÂN* & VÕ HỒNG PHƯỢNG*

Mối quan hệ giữa phát triển du lịch và phát triển kinh tế từ lâu đã được xác định và đo lường. Mục đích trọng tâm của nghiên cứu này là đo lường mối quan hệ giữa hai yếu tố trên đối với các nước Đông Nam Á trong giai đoạn 2001-2009. Kết quả ước lượng cho thấy sự phát triển của ngành du lịch quốc tế có vai trò tích cực đối với phát triển kinh tế, cụ thể là nâng cao thu nhập bình quân đầu người. Hơn nữa, những quốc gia nào có mức đô thị hóa cao thường thể hiện tác động của ngành du lịch đến tăng thu nhập bình quân đầu người cao hơn. Có thể nói, chuyển đổi kinh tế theo hướng phát triển công nghiệp và dịch vụ ở các nước Đông Nam Á trong thời gian qua không những giúp các nước này đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, mà còn góp phần nâng cao thu nhập cho người dân trong nền kinh tế.

Từ khóa: Phát triển du lịch quốc tế, phát triển kinh tế, thu nhập bình quân đầu người, ASEAN

1. Giới thiệu

Những lợi ích kinh tế thường được xem là một trong những nguyên nhân quan trọng thúc đẩy chính phủ của các quốc gia (kể cả phát triển và đang phát triển) đưa ra những chiến lược phát triển ngành du lịch quốc tế trong những thập kỷ gần đây. Tầm quan trọng của phát triển du lịch quốc tế đối với phát triển kinh tế từ lâu đã được xác định (Ivanov & Webster, 2007; Lee & Chang, 2008; Sequeira & Maças, 2008). Thực tế cho thấy rằng nguồn thu từ ngành du lịch quốc tế không những đóng góp tích cực vào tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của một quốc gia, mà còn góp phần nâng cao đời sống, thu nhập cho người dân địa phương liên quan đến việc làm và sản phẩm du lịch (Braun và cộng sự, 2007).

Mặc dù nền kinh tế thế giới phải đối phó với những tác động rất lớn từ các cuộc khủng hoảng kinh tế trong vài năm gần đây; mà hậu quả của nó thường dẫn đến thất nghiệp, giảm thu nhập, tăng giá cả hàng hóa v.v. những con số thống kê liên quan đến du lịch quốc tế vẫn thể hiện xu hướng phát triển.

Theo thống kê của Tổ chức Du lịch Thế giới (World Tourism Organization) [1], số du khách quốc tế [2] và doanh thu từ du khách quốc tế [3] trong năm 2010 tương ứng là 935 triệu lượt và 920 tỉ USD, tăng 6,7% về lượng du khách và 7,5% về doanh thu so với năm 2009. Bảng 1 bên dưới cung cấp thông tin cụ thể hơn về xu hướng phát triển của ngành du lịch thế giới.

Có thể thấy rằng ngành du lịch thế giới đã được phục hồi sau khủng hoảng kinh tế trong năm 2008 và 2009 và đạt tốc độ tăng trưởng khá cao, tương ứng với tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới. Sự tăng trưởng cao của ngành du lịch năm 2010 có thể được giải thích bởi các sự kiện lớn mang tính toàn cầu, điển hình như World Cup 2010 tại Nam Phi, Olympics mùa Đông tại Canada. UNWTO dự báo rằng: Tốc độ tăng trưởng của ngành du lịch vẫn đạt ở mức 4-5% trong năm 2011, trong đó, các quốc gia châu Á - Thái Bình Dương đạt tốc độ tăng trưởng cao (7-9%) sau khu vực Trung Đông (7-10%).

* ThS, Trường Đại học Cần Thơ

** TS, Trường Đại học Cần Thơ

Email: huyseba@gmail.com (Huỳnh Trường Huy)

Bảng 1. Tình hình du lịch thế giới giai đoạn 2000-2010

Chỉ tiêu	ĐVT	2000	2005	2006	2007	2008	2009	2010
Du khách	Triệu lượt	682	810	856	914	930	894	935
Doanh thu	Tỉ USD	560	829	899	1.038	1.144	1.029	1.070
Tốc độ tăng trưởng								
- Du khách	%	-	5,0	5,3	6,4	1,7	-4,0	6,7
- Doanh thu	%	-	7,1	7,8	13,4	9,3	-12,1	3,8
- Kinh tế thế giới ^a	%	-	3,6	4,0	3,9	1,5	-1,9	4,2

Nguồn: Tổ chức Du lịch Thế giới và ^a Ngân hàng Thế giới.

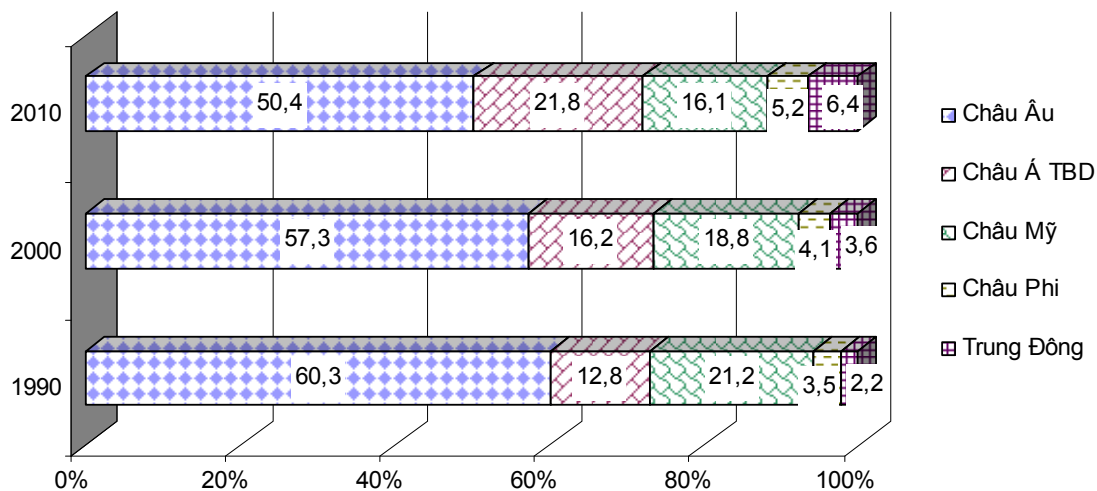
Châu Á - Thái Bình Dương được đánh giá là một trong những khu vực thu hút nhiều du khách quốc tế trong hai thập niên gần đây (sau châu Âu). Theo thống kê của UNWTO, châu Á - Thái Bình Dương là khu vực dẫn đầu thế giới về tốc độ tăng trưởng của số lượng du khách quốc tế (13% trong năm 2010). Hình 1 cho thấy cơ cấu du khách quốc tế đến các quốc gia đang phát triển có xu hướng tăng dần, trong khi đó có xu hướng giảm dần về tỉ trọng số du khách quốc tế đến châu Âu và châu Mỹ.

Sự phát triển về kinh tế và du lịch quốc tế của các quốc gia đang phát triển ở khu vực châu Á đã thu hút sự quan tâm đối với nhiều nhà nghiên cứu kinh tế. Trong đó, sự nổi trội của các quốc gia thuộc khối

ASEAN đã cung cấp nhiều bằng chứng nghiên cứu quan trọng về đóng góp của du lịch quốc tế đến phát triển kinh tế như là một bộ phận quan trọng trong nền kinh tế (Chon, 2000; Hitchcock & King, 1993).

Vì vậy, mục đích trọng tâm của nghiên cứu này nhằm cung cấp những bằng chứng ước lượng về tác động của ngành du lịch quốc tế đối với phát triển kinh tế của các quốc gia ASEAN, cũng như thực trạng của VN.

Nội dung tiếp theo của nghiên cứu này được trình bày như sau: Mục 2 lược khảo lý thuyết và bằng chứng ước lượng về mối quan hệ giữa ngành du lịch và phát triển kinh tế; mục 3 mô tả nguồn dữ liệu, các



Hình 1. Cơ cấu du khách quốc tế đến các quốc gia đang phát triển

Nguồn: Tổ chức Du Lịch thế giới (2010) [4].

biến ước lượng, và trình bày mô hình ước lượng tác động của ngành du lịch đối với phát triển kinh tế; mục 4 trình kết quả phân tích và kiểm định giả thuyết của mô hình ước lượng; mục 5 đưa ra một vài điểm kết luận quan trọng.

2. Phát triển du lịch quốc tế và phát triển kinh tế

2.1. Những con số

Phát triển kinh tế theo hướng thay đổi cơ cấu kinh tế đã được đề cập trong lý thuyết kinh tế cổ điển vào giữa thế kỷ 20 và được các quốc gia đang phát triển áp dụng trong những thập kỷ gần đây. Cụ thể là, sự thay đổi từ nền sản xuất nông nghiệp truyền thống sang nền sản xuất công nghiệp từng bước hiện đại và chú trọng phát triển dịch vụ.

Ngành du lịch quốc tế được xem là một nhân tố quan trọng trong phát triển dịch vụ nói riêng và phát triển kinh tế nói chung ở hầu hết các quốc gia (Brau và cộng sự, 2007; Hampton, 1998; Kaplan & Çelik, 2008; Lee & Chang, 2008). Số liệu thống kê được trình bày ở Bảng 1 cho thấy trong năm 2010 có đến 935 triệu lượt du khách quốc tế đi du lịch ngoài nước và họ đã chi hơn 1.000 tỉ USD tại các điểm đến. Doanh thu từ du khách quốc tế chiếm 6,42% tổng giá trị xuất khẩu và 1,75% tổng GDP của thế giới (UNTWO, 2010).

Đối với khu vực ASEAN, những con số liên quan đến ngành du lịch rất ấn tượng. Số lượt du khách đến các khu vực này tăng dần từ 36,9 triệu lượt năm 2000 lên đến 65 triệu lượt năm 2009; chiếm tương ứng 32,7% tổng du khách của khu vực châu Á - Thái Bình Dương và 6,7% tổng du khách của thế giới (UNTWO, 2010). Điển hình một số quốc gia như Thái Lan, Singapore, Indonesia có ngành du lịch phát triển rất mạnh và ngành này đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế (Ví dụ: du lịch được xem là ngành kinh tế hàng đầu của Thái Lan, ngành đứng thứ hai ở Philippines, và thứ ba ở Singapore). Trong khi đó, một số quốc gia có ngành du lịch mới bắt đầu phát triển như Campuchia, VN và Lào cũng đã đạt được những thành tựu ấn tượng trong việc thu hút du khách quốc tế. Cụ thể là số du khách đến VN tăng mạnh từ 187.000 năm 1990 lên đến 2,3 triệu năm 2001 và 3,7 triệu năm 2009. Ở Lào, con số này

cũng tăng tương ứng từ 173.000 năm 2001 lên 1,2 triệu năm 2009 (UNWTO, 2010).

Đối với VN, sự phát triển của ngành du lịch được thể hiện qua những chỉ tiêu sau đây: Thứ nhất, nguồn vốn đầu tư FDI vào ngành du lịch trong giai đoạn 1988-2010 là 19,7 tỉ USD, chiếm 9,3% tổng nguồn vốn FDI vào VN (*Niên giám thống kê*, 2010). Hơn 400 dự án đầu tư vào ngành du lịch chủ yếu liên quan đến các lĩnh vực nhà hàng, khách sạn, khu nghỉ dưỡng, sân golf, khu giải trí và dịch vụ du lịch (*Vietnamnews*, 2010). Thứ hai, doanh thu từ ngành du lịch tăng mạnh từ 1,1 tỉ USD năm 2001 lên đến 3,6 tỉ USD năm 2009; trong đó, các tổ chức kinh doanh du lịch ngoài nhà nước và FDI chiếm tương ứng 53,7% và 31,7% tổng doanh thu. Theo *Niên giám thống kê* (2010), mục đích du khách đến VN để du lịch, tham quan chiếm 59,8%, để kinh doanh chiếm 19,8%. Thứ ba, ngành du lịch đóng góp tích cực trong phát triển kinh tế, chiếm 16,6% trong GDP năm 2009. Đồng thời, ngành này cũng tạo 450.000 việc làm trực tiếp và khoảng 1 triệu việc làm gián tiếp (*Niên giám thống kê*, 2010).

Sự phát triển du lịch của ASEAN trong thời gian qua được đánh giá gắn liền với những nhân tố sau đây: Thứ nhất, sự khác biệt về văn hóa và sản phẩm du lịch (như du lịch sinh thái) là nguyên nhân quan trọng thu hút du khách quốc tế. Thứ hai, sự hợp tác và xúc tiến phát triển du lịch giữa các quốc gia thành viên ASEAN là nhân tố bổ sung cho sự phát triển. Thứ ba, nền kinh tế mới nổi của một số quốc gia như VN, Indonesia đã thu hút sự quan tâm đầu tư của thế giới. Thứ tư, các sự kiện văn hóa, kinh tế-chính trị cấp cao (như Hội nghị APEC, Á-Âu) được tổ chức ở khu vực cũng được xem là nhân tố quan trọng để quảng bá hình ảnh của ASEAN ra thế giới.

Có thể thấy rằng ngành du lịch quốc tế đã mang lại cơ hội phát triển kinh tế thế giới nói chung và khu vực ASEAN nói riêng. Ở góc độ vĩ mô, ngành du lịch đóng góp tích cực cho cán cân thanh toán cũng như thu hút nguồn vốn FDI vào nền kinh tế. Vai trò tích cực khác của ngành du lịch là tạo cơ hội phát triển cho các ngành khác như vận tải (hàng không, đường bộ...), xây dựng, ngành nghề truyền thống (sản phẩm du lịch). Ở góc độ vi mô, ngành du lịch còn tạo cơ hội việc làm và thu nhập cho người dân địa phương.

2.2. Phương pháp ước lượng

Tầm quan trọng của ngành du lịch đối với phát triển kinh tế từ lâu đã được xác định và trở thành vấn đề thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu kinh tế. Do đó, phương pháp ước lượng mối quan hệ giữa hai yếu tố trên cũng khá đa dạng, phụ thuộc quan trọng vào nguồn dữ liệu sẵn có. Nhìn chung, dữ liệu nghiên cứu về chủ đề này thường mô tả dưới dạng một chuỗi thời gian của các quan sát độc lập (như quốc gia, vùng, tỉnh...), được gọi là “Panel Data”. Thông thường, phương pháp ước lượng mối quan hệ trên được mô tả dưới dạng mô hình kinh tế lượng, trong đó cho phép các hệ số ước lượng thay đổi theo đặc điểm của quan sát và theo thời gian (Cameron, 2005):

$$Y_{it} = \alpha_{it} + \beta_{it} X_{it} + u_{it}, \quad i = 1, \dots, N \text{ và } t = 1, \dots, T \quad (1)$$

Trong đó:

Y_{it} là biến phụ thuộc.

X_{it} là véc tơ gồm các yếu tố giải thích.

u_{it} là sai số ước lượng.

i là chỉ số các quan sát độc lập (như quốc gia, tỉnh, công ty).

t là chỉ số chuỗi thời gian.

Dựa vào mô hình kinh tế lượng có dạng tổng quát như phương trình (1), các nhà nghiên cứu thường ước lượng mức độ tác động của ngành du lịch đến phát triển kinh tế trong những bối cảnh khác nhau. Ví dụ, Kaplan & Çelik (2008), Durbarry (2004) sử dụng biến GDP (dưới dạng logarit) như là yếu tố phụ thuộc trong mô hình ước lượng. Trong khi đó, một nghiên cứu khác về sự phát triển nhanh của các quốc gia có ngành du lịch mới nổi, Brau và cộng sự (2007) đo lường tác động của du lịch đến tốc độ tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người (như là biến phụ thuộc). Gần đây, Sequeira & Maçãs (2008), Martin và cộng sự (2004) sử dụng biến thu nhập bình quân đầu người (dưới dạng logarit) để đo lường sự thay đổi của yếu tố xuất phát từ tác động của các yếu tố liên quan đến ngành du lịch như tỉ trọng doanh thu du lịch trong GDP, tỉ lệ du khách quốc tế trên tổng dân số.

3. Dữ liệu và mô hình kinh tế lượng

3.1. Dữ liệu và mô tả biến

Dữ liệu được sử dụng trong nghiên cứu chủ yếu được thu thập từ thống kê của Tổ chức Du lịch Thế giới, bao gồm những thông tin liên quan đến các chỉ tiêu về kinh tế vĩ mô và du lịch của các 8 quốc gia của ASEAN (Brunei và Myanmar không được đề cập trong nghiên cứu này do số liệu chưa đầy đủ), trong giai đoạn 2001-2009. Vì vậy, nguồn dữ liệu được mô tả dưới dạng một “panel”, với $i = 8$ và $t = 9$.

Hai chỉ tiêu quan trọng thường được sử dụng để đánh giá về ngành du lịch của một quốc gia là số lượt du khách quốc tế (*Arrivals - A*) và doanh thu (*Receipts - R*) từ du khách quốc tế trong một năm nào đó. Nhìn chung, chỉ tiêu doanh thu (*R*) được sử dụng phổ biến hơn và được tính toán dưới dạng tỉ lệ trong GDP (*RGDP*) nhằm thể hiện mức độ chuyên môn hóa của ngành du lịch trong nền kinh tế (Brau và cộng sự, 2007; Sequeira & Maçãs, 2008). Chỉ tiêu quan trọng thể hiện sự phát triển kinh tế là thu nhập bình quân đầu người (*pGDP*) và thường được chọn như là biến phụ thuộc để đánh giá sự tác động của ngành du lịch đến phát triển kinh tế (Eugenio-Martin và cộng sự, 2004; Sequeira & Maçãs, 2008). Bên cạnh chỉ tiêu chuyên môn hóa của ngành du lịch, hai chỉ tiêu vĩ mô - độ mở của nền kinh tế và tỉ lệ dân thành thị - cũng đóng vai trò quan trọng đối với thu nhập bình quân đầu người. Cụ thể là, độ mở của nền kinh tế (*O*) được xác định bằng tỉ số giữa tổng giá trị xuất nhập khẩu và GDP và ám chỉ sự tự do hóa thương mại quốc tế của một quốc gia khi $O \geq 0$. Nếu $O = 0$ nghĩa là nền kinh tế đóng cửa. Ý nghĩa cơ bản của tỉ số này thể hiện sự tự do hóa thương mại sẽ thu hút nhà đầu tư nước ngoài tìm hiểu cơ hội đầu tư và dẫn đến sự đi lại giữa các quốc gia. Theo *Niên giám thống kê 2010*, gần 20% du khách quốc tế đến VN với lí do liên quan đến công việc kinh doanh của họ (*Niên giám thống kê*, 2010). Hơn nữa, chỉ tiêu này là một bộ phận trong GDP và sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập bình quân đầu người. Cuối cùng, tỉ lệ dân số thành thị (*U*) được xem là chỉ tiêu quan trọng có tương quan thuận với thu nhập bình quân đầu người (Kojima, 1996).

Bảng 2. Thống kê mô tả các biến

Chỉ tiêu	ĐVT	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Nhỏ nhất	Lớn nhất
pGDP	USD	5.360	9.798	306	39.950
RGDP	%	2,43	1,38	0,64	4,95
O	%	154,6	106,1	45,5	438,1
U	%	48,0	25,8	17,5	100,0

Nguồn: Tính toán từ dữ liệu của Tổ chức Du lịch Thế giới.

Thông tin từ Bảng 2 cho thấy biến phụ thuộc (pGDP) có độ lệch chuẩn lớn hơn giá trị trung bình của nó, nghĩa là không có phân phối chuẩn. Vì vậy, việc chuyển đổi biến này trước khi ước lượng là rất cần thiết nhằm tạo ra phân phối gần như phân phối chuẩn và cho kết quả ước lượng tốt hơn (Chatterjee & Hadi, 2006). Thông thường, có nhiều phương pháp chuyển đổi biến khác nhau, phụ thuộc vào hình dạng phân phối của biến đó (như lệch trái hay lệch phải). Do đó, sự lựa chọn phương pháp chuyển đổi phù hợp là rất cần thiết. Kết quả kiểm định phân phối chuẩn đối với biến phụ thuộc (được chuyển đổi) với giả thiết H_0 : phân phối chuẩn được trình bày ở phụ lục A cho thấy rằng biến phụ thuộc có thể được chuyển đổi theo một trong ba dạng sau: $\log(\text{pGDP})$, $1/\sqrt{(\text{pGDP})}$, $1/(\text{pGDP})$.

3.2. Mô hình ước lượng

Dựa vào phương trình (1) và các chỉ tiêu như đã mô tả, mô hình ước lượng tác động của ngành du lịch đến phát triển kinh tế sẽ được thể hiện như sau:

$$pGDP_{it} = \alpha_{it} + \beta_{1it}RGDP_{it} + \beta_{2it}O_{it} + \beta_{3it}U_{it} + u_{it} \quad (2)$$

Theo lý thuyết của mô hình ước lượng đối với dữ liệu có dạng “panel”, có hai phương pháp cơ bản để ước lượng phương trình (2) thường được gọi là “Fixed Effect - FE” và “Random Effect - RE” (Gujarati, 2004).

- Mô hình FE với giả định hệ số góc (α_{it}) của mỗi quốc gia (i) được phép thay đổi, nhưng cố định theo thời gian (t). Vì vậy, phương trình (2) được thể hiện lại như sau:

$$pGDP_{it} = \alpha_1 + \sum_{k=2}^8 \alpha_k N_k + \beta_{1it}RGDP_{it} + \beta_{2it}O_{it} + \beta_{3it}U_{it} + u_{it} \quad (3)$$

Trong đó, N_k là các biến giả tương ứng cho mỗi quốc gia (i), $u_{it} = \lambda_t + \mu_i$ được gọi là sai số do tác động của thời gian (λ_t) và khác biệt giữa các quốc gia (μ_i). Do chúng ta sử dụng biến giả (dummy) để ước lượng mô hình FE, nên phương trình (3) còn được gọi là mô hình ước lượng bình phương bé nhất với biến giả (Least Square Dummy Variable Model - LSDV model).

- Mô hình RE với giả định rằng các quốc gia được quan sát một cách ngẫu nhiên. Khi đó, hệ số góc của mỗi quốc gia (i) bao gồm cả sai số ngẫu nhiên:

$\alpha_{i1} = \alpha_1 + \varepsilon_i$, α_1 (4) là giá trị trung bình của hệ số góc và ε_i là sai số.

Thế phương trình (4) vào phương trình tổng quát (2), ta thu được mô hình RE cụ thể như sau:

$$pGDP_{it} = \alpha_1 + \beta_{1it}RGDP_{it} + \beta_{2it}O_{it} + \beta_{3it}U_{it} + u_{it} + \varepsilon_i \quad (5)$$

Hoặc

$$pGDP_{it} = \alpha_1 + \beta_{1it}RGDP_{it} + \beta_{2it}O_{it} + \beta_{3it}U_{it} + w_{it} \quad (6)$$

Cuối cùng, Kiểm định Hausman được sử dụng để quyết định mô hình FE hay RE phù hợp cho việc ước lượng tốt hơn (Cameron, 2005), với giả thiết H_0 : không có mối tương quan giữa yếu tố không được quan sát và các yếu tố giải thích trong mô hình, $\text{Cov}(\varepsilon_i, X_{it}) = 0$.

4. Kết quả và thảo luận

Các hệ số ước lượng của cả hai mô hình được trình bày ở Bảng 3 hầu hết thể hiện được ý nghĩa về thống kê và lý thuyết kinh tế. Cụ thể là, sự phát triển của ngành du lịch quốc tế có đóng góp ý nghĩa đối với phát triển kinh tế của các quốc gia ASEAN, góp phần nâng cao thu nhập của người dân tại các quốc gia này. Bên cạnh đó, mối quan hệ tích cực giữa tự do hóa thương mại của kinh tế và nâng cao thu nhập bình quân đầu người cũng được xác định. Tương đồng với kết quả nghiên cứu của Kojima (1996), kết quả ước lượng trong nghiên cứu cũng cho thấy rằng

Bảng 3. Kết quả ước lượng

Mô hình	Fixed Effect		Random Effect	
	Hệ số	Sai số chuẩn	Hệ số	Sai số chuẩn
RGDP	0,123*** (3,54)	0,035	0,216*** (4,90)	0,044
O	0,503*** (5,07)	0,001	0,232* (1,90)	0,001
U	0,124*** (16,21)	0,007	0,084*** (10,81)	0,008
Hằng số	0,478 (1,24)	0,385	2,598*** (5,47)	0,475
R ²	0,880		0,844	
σ_u	2,621		0,608	
σ_ε	0,116		0,116	
Prob>F, (χ^2)	0,000		0,000	

Ghi chú: ***: mức ý nghĩa thống kê với $p < 0,01$ và 0,1

tỉ lệ dân số thành thị cao gắn liền với nâng cao thu nhập bình quân đầu người của các quốc gia ASEAN.

Bảng 4. Kết quả chuyển đổi và kiểm định giả thiết & Kiểm định chéo các yếu tố

4.1. Chuyển đổi và kiểm định giả thiết

Chuyển đổi	χ^2	P
(pGDP) ³	55,8	0,000
(pGDP) ²	47,8	0,000
(pGDP) ^{1/2}	24,5	0,000
log(pGDP)	7,2	0,028
1/(pGDP)	8,0	0,018
1/(pGDP) ^{1/2}	7,4	0,024
1/(pGDP) ²	23,7	0,000
1/(pGDP) ³	34,9	0,000

4.2 Kiểm định chéo các yếu tố

Các yếu tố	Log(pGDP	RGDP	O	U
Log(pGDP)	1			
RGDP	0,421*	1		
O	0,834*	0,511*	1	
U	0,883*	0,160	0,743*	1

Ghi chú: *: mức ý nghĩa thống kê với $p < 0,01$.

Nhìn chung, tất cả các hệ số của hai mô hình có ý nghĩa thống kê và tương đồng về tác động đến sự tăng thu nhập bình quân đầu người của các quốc gia ASEAN. Tuy nhiên, việc lựa chọn mô hình phù hợp như đã đề cập là rất cần thiết. Theo kết quả kiểm định Hausman, giá trị Chi bình phương là 362,86 với mức ý nghĩa thống kê ($P = 0,000$). Nghĩa là, chúng ta có cơ sở để bác bỏ giả thiết H_0 và kết luận rằng mô hình FE là phù hợp nhất.

Về mặt thực tiễn, có thể thấy rằng các yếu tố giải thích trong mô hình có tương quan với các yếu tố không quan sát cũng như giữa chúng với nhau. Hay

nói cách khác, mô hình RE thường ít thỏa điều kiện trong những ước lượng các chỉ tiêu kinh tế (Gujarati, 2004). Trong nghiên cứu này, khi thực hiện kiểm định chéo giữa các yếu tố, kết quả cho thấy rằng các yếu tố giải thích có mức độ tương quan nhất định giữa chúng (Bảng 4 (4.2)). Vì vậy, Bảng 5 trình bày hệ số tác động của ngành du lịch đến thu nhập bình quân đầu người, tương ứng với hai chỉ tiêu: tỉ lệ dân số thành thị và độ mở nền kinh tế để có một cái nhìn chi tiết hơn.

Thông tin từ Bảng 5 cho thấy rằng các quốc gia

nhiều hơn của nguồn thu từ du lịch quốc tế sẽ góp phần cải thiện thu nhập, hoặc là mức độ tự do hóa thương mại và đô thị hóa càng cao cũng thúc đẩy tăng thu nhập của người dân, khi họ có nhiều cơ hội để tiếp cận thị trường lao động.

Dựa vào số liệu trong giai đoạn 2001-2009, chúng ta có thể dự báo sự thay đổi của các chỉ tiêu trên trong giai đoạn 2010-2020 (với giá trị trung bình ở năm 2015). Hai phương pháp dự báo cơ bản tương ứng với đặc điểm của các chỉ tiêu được trình bày:

Bảng 5. Hệ số ước lượng của RGDP của mô hình FE

Hệ số	Tỉ lệ dân số thành thị (%)					Độ mở nền kinh tế	
	20	40	60	80	100	≤1	>1
RGDP	0,061	0,251	0,130	0,037	0,329	0,126	0,172
Sai số	1,61	3,61	0,78	0,74	3,24	2,69	3,64
Giá trị (p)	0,354	0,001	0,472	0,471	0,018	0,015	0,000

có tỉ lệ dân số thành thị lớn hơn 20% hoặc nhỏ hơn và bằng 40%, gồm Lào (27,5%), Thái Lan (32,4%) và VN (26,5%) và lớn hơn 80% như Singapore (100%) thể hiện mức độ ảnh hưởng tích cực của ngành du lịch đến thu nhập của người dân. Như đã phân tích, Thái Lan và Singapore là hai quốc gia có nền du lịch phát triển từ lâu; trong khi đó, Lào và VN gần đây được xem là những điểm đến hấp dẫn đối với du khách quốc tế do hình thức du lịch mới lạ và sự ổn định về chính trị.

Hơn nữa, sự tự do hóa thương mại của nền kinh tế đã dẫn đến sự đóng góp tích cực và nhiều hơn của ngành du lịch đối với sự phát triển kinh tế. Thứ nhất, thu hút nhà đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực thương mại dịch vụ, trong đó có ngành du lịch. Thứ hai, tự do hóa thương mại sẽ dẫn đến nhu cầu đi lại nhiều hơn của các nhà đầu tư và tạo điều kiện cho ngành du lịch phát triển song song với phát triển nền kinh tế.

5. Dự báo và gợi ý chính sách

Phân tích dự báo trong nghiên cứu này có ý nghĩa thực tiễn trong việc gợi ý về chính sách liên quan mối quan hệ giữa nâng cao đời sống và phát triển du lịch cũng như mở cửa nền kinh tế và đô thị hóa tại các quốc gia đang phát triển. Ví dụ, sự đóng góp

- Chỉ tiêu thu nhập bình quân đầu người (pGDP) và mức độ tự do hóa thương mại (O) có thể dự báo theo công thức đơn giản sau:

$$pGDP_{it} = pGDP_{i0}(1 + r_i)^t$$

- Chỉ tiêu đô thị hóa và tỉ trọng doanh thu từ du lịch quốc tế trong GDP chỉ biến động đến mức tối đa là 100% ($V_j = [0,100]$, $j = U, RGDP$). Nói cách khác, nó được thể hiện dưới dạng hàm logistic. Vì vậy, giá trị dự báo của hai chỉ tiêu này có thể thu được từ công thức sau:

$$V_{it} = \frac{100}{1 + A.e^{-\rho.t}}$$

Hai tham số A và ρ sẽ được tìm thấy từ việc giải phương trình với các giá trị U và RGDP sẵn có trong giai đoạn 2001-2009.

Kết quả dự báo được trình bày ở Bảng 6. Có thể thấy rằng chỉ tiêu thu nhập bình quân đầu người dự báo sẽ tăng bình quân trên 10% trong giai đoạn 2010-2020. Trong đó, VN kỳ vọng đạt mức tăng trên 13% về thu nhập bình quân đầu người. Đáng lưu ý, sự đóng góp và mức tăng của ngành du lịch quốc tế (cụ thể là doanh thu) được dự báo tăng nhanh hơn so với hai chỉ tiêu về mức độ tự do hóa thương mại và đô thị hóa.

Bảng 6. Sự thay đổi giữa hai giai đoạn 2010-2020 và 2001-2009 (%)

Quốc gia	pGDP	RGDP	O	U
Campuchia	11,00	3,89	0,89	2,88
Indonesia	14,94	-4,39	-5,22	2,11
Lào	14,36	2,40	0,54	3,73
Malaysia	7,63	3,09	-2,12	1,24
Philippines	8,71	-2,71	-5,88	1,10
Singapore	7,36	0,36	1,73	0,07
Thái Lan	9,86	2,59	0,10	0,87
VN	13,19	6,54	3,51	1,64

Kết quả dự báo này đối với thực tiễn ở VN khá phù hợp khi ngành du lịch của VN đang trên đà phát triển với ngày càng nhiều loại hình nghệ thuật, văn hóa, công trình tự nhiên được thế giới công nhận và bảo tồn. Đây là yếu tố quan trọng để du khách quốc tế biết đến và chọn VN là điểm đến của họ. Vì vậy, chính sách thúc đẩy và quảng bá của ngành du lịch có ý nghĩa quan trọng không những tự nâng cao năng lực phát triển của ngành du lịch, mà còn đóng góp làm tăng thu nhập bình quân của người dân.

6. Kết luận

Những đóng góp tích cực của ngành du lịch trong phát triển kinh tế như tạo việc làm và tăng thu nhập từ lâu đã được ghi nhận trong nhiều nghiên cứu. Nhìn chung, nghiên cứu này kỳ vọng mang lại một cái nhìn sâu sắc hơn về vai trò của phát triển du lịch đối với phát triển kinh tế của các quốc gia ASEAN, nơi có sự phát triển kinh tế và du lịch khá ấn tượng trong thời gian gần đây. Một vài điểm quan trọng của nghiên cứu được tóm lược như sau:

- **Thứ nhất**, dữ liệu dạng “panel” được xem khá phù hợp để ước lượng mối quan hệ giữa phát triển du lịch và phát triển kinh tế. Cụ thể là mô hình FE với sự tương quan giữa các yếu tố giải thích thể hiện tính thực tiễn cao trong việc ước lượng.

- **Thứ hai**, các quốc gia có tỉ lệ dân số thành thị ở mức trung bình được cho thấy có mức độ tác động của ngành du lịch đến thu nhập cao hơn. Bởi vì, đa số các quốc gia này có nền kinh tế tương đối phụ thuộc vào nông nghiệp và dân số sinh sống ở vùng

nông thôn. Do đó, sự chuyển đổi kinh tế theo hướng công nghiệp và dịch vụ như VN rõ ràng sẽ tạo sự chuyển biến mạnh về tác động của các ngành này đến phát triển kinh tế nói chung và tăng thu nhập nói riêng.

- **Tóm lại**, những kết quả từ nghiên cứu sẽ là bằng chứng thiết thực nhằm cung cấp cho nhà nghiên cứu cũng như nhà quản lý một bức tranh tổng quan về đo lường tác động của các yếu tố vĩ mô như du lịch, tự do hóa thương mại đến phát triển kinh tế■

CHÚ THÍCH

[1] Một cơ quan chuyên môn của Liên Hiệp Quốc về lĩnh vực du lịch, viết tắt UNWTO.

[2] Du khách quốc tế là khách du lịch xuất phát từ một quốc gia đến quốc gia khác và lưu trú ở đó không quá 12 tháng.

[3] Doanh thu từ du khách quốc tế (gọi tắt là doanh thu) là các khoản chi tiêu của du khách, bao gồm chi phí đi lại, sinh hoạt và mua sắm trong hành trình du lịch. Chỉ tiêu này thường được ước tính theo giá hiện hành và đô la Mỹ - USD (Nguồn: World Tourism Organization, Yearbook of Tourism Statistics, Compendium of Tourism Statistics and data files).

[4] Thông tin chi tiết có thể xem tại <http://www.worldbank.org/data>

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Brau, R., A. Lanza, & F. Pigliaru (2007), "How Fast Are Small Tourism Countries Growing? Evidence from the Data for 1980-2003", *Tourism Economics* 13:603-614.
- Cameron, A. C (2005), *Microeconometrics: Methods and Applications*, Cambridge University Press.
- Chatterjee, S. & A.S. Hadi (2006), *Regression Analysis by Example*, Vol. 607: LibreDigital.
- Chon, K. S (2000), *Tourism in Southeast Asia: A New Direction*: Routledge.
- Durberry, R. (2004), "Tourism and Economic Growth: The Case of Mauritius", *Tourism Economics* 10:389-401.
- Eugenio-Martín, J.L., N.M. Morales, & R. Scarpa (2004), "Tourism and Economic Growth in Latin American Countries: A Panel Data Approach", *Fondazione Eni Enrico Mattei Working Paper Series, NOTA DI LAVORO* 26.
- Gujarati, D.N (2004), *Basic Econometrics*. New York: McGraw Hill.
- Hampton, M.P (1998), "Backpacker Tourism and Economic Development", *Annals of Tourism Research* 25:639-660.
- Hitchcock, M. & V.T. King (1993), *Tourism in South-east Asia*, Psychology Press.
- Ivanov, S. & C. Webster (2007), "Measuring the Impact of Tourism on Economic Growth", *Tourism Economics* 13:379-388.
- Kaplan, M. & T. Çelik (2008), "The Impact of Tourism on Economic Performance: The Case of Turkey", *The International Journal of Applied Economics and Finance* 2:13-18.
- Kojima, R. (1996), "Introduction: Population Migration and Urbanization in Developing Countries", *The Developing Economies* 34:349-369.
- Lee, C.C. & C.P. Chang (2008), "Tourism Development and Economic Growth: A Closer Look at Panels", *Tourism Management* 29:180-192.
- Tổng cục Thống kê (2010), *Niên giám thống kê 2010*, NXB Thống kê.
- Sequeira, T.N. & N.P. Maçãs (2008), "Does Tourism Influence Economic Growth? A Dynamic Panel Data Approach", *Applied Economics* 40:2431-2441.
- UNWTO (2010), "Compendium of Tourism Statistics and Data Files", in *Yearbook of Tourism Statistics: World Tourism Organization*.
- Vietnamnews (2010), "Vietnam Travel with Opportunities of ASEAN Tourism Investment".

THÔNG BÁO

V/v: Xuất bản Tạp chí Phát triển Kinh tế tiếng Anh

Được sự chấp thuận của Bộ Thông tin và Truyền thông và Ban giám hiệu Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, **bắt đầu từ đầu 7/2012**, Tạp chí Phát triển Kinh tế sẽ thực hiện những cải tiến đối với ấn bản tạp chí tiếng Anh UEH Journal of Economic Development (JED) như sau:

Kỳ phát hành: Mỗi quý một kỳ, phát hành từ đầu quý: tuần đầu tháng 1, 4, 7 và 10 hàng năm (Thay vì hàng tháng như trước).

Quy cách tạp chí:

- Kích thước: 18,0 x 26,0 cm (thay cho khổ 20,5 x 29 cm);
- Số trang: 160 trang (trước là 64 trang).
- Loại giấy: Bìa cứng Duplex tráng màng, ruột couché.
- Giá bán: 60.000 VND.

Như vậy, tạp chí (JED) vẫn xuất bản hàng tháng với quy cách cũ trong các tháng 1,2,3 và 4/2012, tháng 5 và tháng 6/2012 không xuất bản. Bắt đầu từ tuần đầu tháng 7/2012 (đầu quý 3), tạp chí sẽ thay đổi như trên.

Tạp chí rất mong nhận được sự ủng hộ của Quý cộng tác viên và bạn đọc trong và ngoài nước.

TỔNG BIÊN TẬP
GS.TS. DƯƠNG THỊ BÌNH MINH